

,ngày day tháng month năm year

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY

LOAN USAGE PLAN

Tên bên đi vay <i>Borrower name</i>	
Loại hình doanh nghiệp <i>Type of business</i>	
Vốn điều lệ <i>Chartered capital</i>	
Địa chỉ <i>Address</i>	
Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương <i>Enterprise Registration Certificate or other equivalent document</i>	
Phạm vi ngành nghề sản xuất kinh doanh liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài của bên đi vay <i>Scope of production and business lines related to the borrower's purpose of using foreign loans</i>	

1. THÔNG TIN VỀ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI DỰ KIẾN THỰC HIỆN INFORMATION ABOUT FOREIGN LOANS TO BE IMPLEMENTED

Thông tin về bên cho vay <i>Lender Information</i>	
1. Tên bên cho vay <i>Name of the lender</i>	
2. Quốc gia của bên cho vay <i>Country of the lender</i>	
Thông tin của khoản vay <i>Loan Information</i>	
1. Thỏa thuận vay nước ngoài số <i>Foreign loan agreement No.</i>	
2. Ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài <i>Date of signing foreign loan agreement</i>	
3. Giá trị khoản vay <i>Loan value</i>	
4. Đồng tiền nhận nợ, rút vốn, trả nợ <i>Currency of loan disbursement, repayment</i>	
5. Hình thức vay <i>Loan method</i>	Vay bằng tiền <i>Cash disbursement</i>
6. Thời hạn vay <i>Loan tenor</i>	
7. Lãi suất vay <i>Loan interest rate</i>	[% năm/ pct pa]
8. Các loại phí <i>Fee, charge</i>	
9. Kế hoạch rút vốn <i>Fund disbursement plan</i>	[Ngày/ Date]
10. Kế hoạch trả nợ <i>Loan repayment plan</i>	[Ngày/ Date]

2. MỤC ĐÍCH VÀ QUY MÔ VAY NƯỚC NGOÀI *PURPOSE AND SIZE OF FOREIGN LOANS*

- Thông tin về các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài thuộc phạm vi hoạt động hợp pháp của bên đi vay: *Information on production, business activities and projects using foreign loans within the legal scope of the borrower's business:*
- Trung Dài hạn : Quy mô vốn tổng thể của hoạt động sản xuất, kinh doanh; cơ cấu nguồn vốn; quy mô vốn vay nước ngoài; các chi phí dự kiến được thanh toán từ nguồn vốn vay

trung, dài hạn nước ngoài *Total capital for business activities; capital structure; scale of the foreign loan; expenditures to be covered using medium/long-term foreign loan*

- Ngắn hạn; Đính kèm Phụ lục – Bảng kê nhu cầu sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài
Attached Appendix – List of short-term foreign loans usage demand

3. BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO PHÁT SINH TỪ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ) *FOREIGN LOANS' RISK MANAGEMENT ACTIONS (IF YES)*

4. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY NƯỚC NGOÀI *APPROVAL AUTHORITY OF FOREIGN LOANS USAGE PLAN*

Cấp có thẩm quyền phê duyệt của bên đi vay <i>Borrower's approval authority</i>	
Căn cứ xác định thẩm quyền phê duyệt của bên đi vay <i>Basis for determining the borrower's approval authority</i>	

5. CÁC NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ) *OTHERS (IF ANY)*

6. CAM KẾT *COMMITMENT*

- Bên Đi Vay cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của mọi thông tin cung cấp trong phương án này *The Borrower undertakes to be responsible for the accuracy of all information provided in this plan*
- Bên Đi Vay cam kết phương án này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định về điều kiện vay, trả nợ nước ngoài *The Borrower commits that this plan has been approved by the competent authority in accordance with regulations on conditions for borrowing and repayment foreign debts.*
- Bên Đi Vay cam kết tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 và thông tư 08/2023/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được chính phủ bảo lãnh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. *The Borrower commits to comply with the provisions of Vietnamese law, the provisions of Circular No. 12/2022/TT-NHNN dated September 30, 2022 and Circular 08/2023/TT-NHNN dated May 30 June 2023 of the State Bank of Vietnam stipulating the conditions for foreign loans of enterprises not guaranteed by the government and relevant legal documents.*

Bên đi vay [Chữ ký và con dấu]

Borrower [Sign & Seal]

Phụ lục Appendix

BẢNG KÊ CÁC NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN VAY NGẮN HẠN NƯỚC NGOÀI

LIST OF SHORT-TERM FOREIGN LOANS USAGE DEMAND

(Đính kèm Phương án sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài Attached to the short-term foreign loan usage plan)

1. Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền kể từ thời điểm rút vốn khoản vay ngắn hạn nước ngoài¹ *Payment of short-term debts payable in cash from the time of disbursement of foreign short-term loans¹*

Nội dung các khoản nợ ngắn hạn dự kiến thanh toán bằng nguồn vốn vay ngắn hạn nước ngoài ² <i>Contents of short-term debts to be paid by short-term foreign loans²</i>	Giá trị ³ <i>Value³</i>	Dự kiến thời điểm thanh toán ⁴ <i>Expected time of payment⁴</i>	Thỏa thuận/tài liệu làm phát sinh nghĩa vụ nợ ngắn hạn phải trả ⁵ <i>Agreements/documents proving the short-term liabilities⁵</i>
1.			
2.			
Tổng cộng <i>Total</i>			

2. Phục vụ hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay có thời hạn sử dụng vốn dưới 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn khoản vay ngắn hạn nước ngoài (chỉ áp dụng đối với Bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành). *For the borrower's activities with the loan usage plan which tenor is less than 12 months from the time of disbursement of a short-term foreign loan (only apply to the borrower who is subjected to prudential indicators according to specialized laws).*

Phân loại mục đích sử dụng ⁶ <i>Classification of usage purposes⁶</i>	Giá trị ⁷ <i>Value⁷</i>	Căn cứ xây dựng nhu cầu vốn ⁸ <i>Basis for capital demands⁸</i>
1.		
2.		
Tổng cộng <i>Total</i>		

Hướng dẫn lập bảng: *Instructions:*

1. Các khoản nợ ngắn hạn tại mục này được xác định căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp, bao gồm các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền nhưng không bao gồm các khoản nợ vay trong nước. Trường hợp Bên đi vay vay nước ngoài ngắn hạn để trả khoản nợ nước ngoài, bên đi vay phải chứng minh mục đích sử dụng vốn thông qua Phương án cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài (không thuộc đối tượng báo cáo tại Bảng kê này). *Short-term debts payable in this section are determined according to current regulations of law guiding the corporate accounting policy, including short-term debts payable in cash & excluding domestic loans. If the Borrower borrows a short-term foreign loan to pay for another foreign loan, the borrower has to prove the loan usage purpose through the foreign loan restructuring plan (The borrower is not subjected to report in this Table)*

2. Liệt kê các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án khác, ví dụ như nợ phải trả người bán ngắn hạn, thuế và các khoản nộp nhà nước, phải trả cho người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng,... *Specify short-term debts payable in cash incurred from the borrower's execution the business plans, other projects, e.g. short-term payable to suppliers, taxes and other statutory payable, salary of employee, short-term expenses payable, amounts payable according to the payment schedule defined in construction contract, etc.*

3. Giá trị quy đổi theo đồng tiền rút vốn của khoản vay. Trường hợp đồng tiền của các khoản nợ phải trả khác với đồng tiền rút vốn của khoản vay, Bên đi vay áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm lập Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài để quy đổi giá trị các khoản nợ nhằm dự toán tổng nhu cầu sử dụng vốn vay nước ngoài ngắn hạn. *Equivalent amount converted from the loan currency. In case the currency of payables is different from the foreign loan disbursement, the borrower will apply the exchange rate announced by the Ministry of Finance of Vietnam (via the State Treasury) at the time of preparing the foreign loan usage plan to calculate of total demand value of short-term foreign loan usage demand.*

4. Thời điểm thanh toán theo quy định tại Thỏa thuận/văn bản làm phát sinh nghĩa vụ nợ hoặc các Thỏa thuận có liên quan khác áp dụng đối với các khoản nợ (dự kiến theo tháng, ví dụ: tháng 10/2023). *Specify the repayment date as defined in the Loan Agreement/ document or other relevant agreements applying to the debts (estimated in month, e.g. October, 2023)*

5. Ghi rõ thông tin về Thỏa thuận/tài liệu, thông tin tham chiếu như số, ngày của Thỏa thuận/tài liệu làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ. *Specify information on the Agreement/ document, reference information such as number and date of the Agreement/ document*

6. Liệt kê các nội dung sử dụng vốn phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Bên đi vay, tuân theo pháp luật chuyên ngành. Phần này chỉ áp dụng đối với khoản vay ngắn hạn nước ngoài của Bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành ví dụ như các tổ chức kinh doanh chứng khoán. *Specify the content of foreign loan usage for business operations as prescribed by specialized laws. This table is applicable to the foreign short-term loan of the borrower who is subjected to prudential indicators requirement according to specialized laws such as a securities trading organization.*

7. Giá trị quy đổi theo đồng tiền rút vốn của khoản vay. Trường hợp đồng tiền chi trả cho các hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay khác với đồng tiền rút vốn của khoản vay, bên đi vay sử dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm lập Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài để tính toán. *Equivalent value converted into the loan disbursement currency. If the payment currency for business operations is different from the loan disbursement currency, the borrower will apply the exchange rate announced by the Ministry of Finance of Vietnam (via the State Treasury) at the time of preparing the foreign loan usage plan to calculate.*

8. Nêu rõ căn cứ xây dựng nhu cầu vốn như kế hoạch kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các thỏa thuận đã ký kết làm phát sinh nhu cầu sử dụng vốn vay. *Specify the basis of determining the loan demand such as business plan approved by a competent authority, or a signed agreement which shows the loan usage demand, etc.*

Bên đi vay [Chữ ký và con dấu]

Borrower [Sign & Seal]